

10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 12 NĂM HỌC 2020 – 2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 1

TRƯỜNG THPT NHƠ QUAN B

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Phần I: Đọc – hiểu: (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa "chúng ta" và "họ". Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết"

(Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1 – 12- 2003)

Câu 1.“Chúng ta” và “họ” trong đoạn văn trên là ai? (1.0 điểm)

Câu 2. Thông điệp mà đoạn văn trên muốn gửi đến mọi người là gì? (1.0 điểm)

Câu 3. Nhận xét về nghệ thuật của đoạn văn trên (1.0 điểm)

Phần II: Viết (7.0 điểm)

"Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng mà trước hết hãy là người có ích". Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

--- Kết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

Phần I: Đọc – hiểu: (3.0 điểm)

Câu 1. “Chúng ta” và “họ” trong đoạn văn trên là ai? (1.0 điểm)

Câu 2. Thông điệp mà đoạn văn trên muốn gửi đến mọi người là gì? (1.0 điểm)

Câu 3. Nhận xét về nghệ thuật của đoạn văn trên (1.0 điểm)

– “Chúng ta”: là những người không bị nhiễm HIV/AIDS

– “Họ”: Là những người bị nhiễm HIV/AIDS

– Mỗi người đừng ảo tưởng rằng có thể tự bảo vệ mình khỏi HIV/AIDS.

– Không được phân biệt đối xử kì thị với những người bị HIV/ AIDS.Hãy coi việc đẩy lùi đại dịch là việc của tất cả mọi người.

– Câu văn ngắn gọn, cảm xúc kìm nén, không ồn ào, không khoa trương, sâu sắc và cô đúc

Phần II: Viết (7.0 điểm)

Yêu cầu về kỹ năng:

– Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội

– Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Yêu cầu cụ thể:

MB::Nêu được vấn đề cần nghị luận: giá trị của mỗi cá nhân qua những đóng góp thiết thực cho xã hội.

– Giải thích:

+ Người nổi tiếng: là người được khâm phục, được nhiều người biết đến về tài năng và sự thành công ở một lĩnh vực nào đó.

+ Người có ích: là người đem lại lợi ích, giá trị tốt đẹp cho xã hội bằng những việc làm cụ thể của mình.

Ý kiến là lời khẳng định giá trị đích thực của mỗi cá nhân thông qua những đóng góp của họ đối với gia đình và xã hội.

Bàn luận:

- Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng vì:

+ Khát vọng trở thành người nổi tiếng là chính đáng nhưng không phải ai cũng có năng lực, tố chất và điều kiện để đạt được;

+ Trở thành người nổi tiếng bằng con đường bất chính, bằng những phương cách xấu xa, con người sẽ trở nên mù quáng. Đó chỉ là sự giả dối, gây tác hại cho xã hội.

- Trước hết hãy là người sống có ích:

+ Người sống có ích mang lại nhiều lợi ích, niềm vui cho người khác.

+ Đóng góp cho cộng đồng, trở thành người có ích cũng là cơ hội, điều kiện để trở nên nổi tiếng vì thế trước khi thành người nổi tiếng thì hãy là người có ích.

+ Người nổi tiếng khẳng định được vị trí của mình, song người có ích được xã hội thừa nhận, tôn vinh và ca ngợi

+ Phê phán những người chỉ bằng lòng, an phận với những gì mình đã có, thiếu ý chí và khát vọng thì cuộc sống sẽ mất dần ý nghĩa và sẽ không còn hi vọng trở thành người nổi tiếng.

Bài học:

– Bài học nhận thức và hành động:

+ Sự nổi tiếng của con người là cần thiết, song cuộc sống con người có ý nghĩa hơn khi đóng góp, cống hiến cho xã hội. Giá trị của bản thân con người chính là đóng góp tích cực cho xã hội.

+ Không ngừng nuôi dưỡng khát vọng vươn lên trong cuộc sống, xác định lý tưởng, mục đích sống.

+ Liên hệ đến bản thân

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 2

TRƯỜNG THPT THÔNG NHẤT A

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

I: Đọc – hiểu văn bản (3 điểm)

Trong phần mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn những bản tuyên ngôn nào? Việc trích dẫn đó có ý nghĩa gì? Sáng tạo của Người thể hiện ở đoạn đầu này là điều gì?

II: Tự luận (7 điểm)

Phát biểu cảm nhận của Anh/chị về đoạn thơ sau:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dứa oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chặng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.”

(Tây Tiến – Quang Dũng)

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 12

I: Đọc – hiểu văn bản (3 điểm)

1. Các bản tuyên ngôn đã được trích dẫn:

- Tuyên ngôn Độc lập (năm 1776 của nước Mĩ).
- Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (năm 1791 của Cách mạng Pháp).

(0,5)

2. Ý nghĩa của việc trích dẫn:

- Nêu lên những nguyên lí chung về quyền được tự do bình đẳng của con người để khẳng định lập trường chính nghĩa của dân tộc. (0,5)
- Tạo vị thế bình đẳng giữa Việt Nam với các nước lớn trên thế giới. (0,5)
- Đưa ra những lí lẽ thuyết phục để chuẩn bị tiền đề cho lập luận ở phần tiếp theo, làm cơ sở cho cả hệ thống lập luận của bản tuyên ngôn. (0,5)
- Sáng tạo:

Nâng quyền lợi của con người lên thành quyền lợi của dân tộc. Suy rộng ra... “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng.....và quyền tự do”. (1,0)

II: Tự luận (7 điểm)

Yêu cầu về kỹ năng: Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học – cảm nhận một tác phẩm thơ. Bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận. Ý sâu sắc, văn phong giàu hình ảnh, cảm xúc.

Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:

Cảm nhận về đoạn thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng

a. Mở bài: Vài nét về tác giả, hoàn cảnh sáng tác:

– Quang Dũng (1921 – 1988) là nhà văn trưởng thành trong kháng chiến, và cũng là một nghệ sĩ đa tài. Những bài thơ của ông đều mang một hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa. (0,5)

– Tây Tiến được sáng tác tại Phù Lưu Chanh, 1948 được in trong tập thơ “Mây đầu ô”. Là bài thơ xuất sắc viết về người lính trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. (0,5)

b. Thân bài: Cảm nhận về đoạn thơ “Tây Tiến”

– Về nội dung:

+ Chân dung người lính Tây Tiến được tác giả ghi lại rất cụ thể, chân thật: đó là cái vẻ bè ngoài rất khác thường, kì dị, tiêu tụy do điều kiện sống và chiến đấu gian khổ, thiếu thốn... nhưng ẩn chứa từ trong sâu thẳm tâm hồn là ý chí, tinh thần chiến đấu ngoan cường, dũng mãnh, phi thường của người lính. (1,0)

+ Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn của người lính Tây Tiến: một tình yêu say đắm, nồng nàn khi “đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. (1,0)

+ Câu thơ tiếp tục ghi nhận cái chết của người lính với đầy vẻ bi thương nhưng cũng rất hào hùng: tinh thần sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn, vì Tổ Quốc, vì nhân dân. (1,0)

+ Đoạn thơ kết thúc bằng khúc ca bi tráng của dòng sông Mã. Dòng sông là chứng nhân của một thời kỳ hào hùng, chứng kiến cái chết của người tráng sĩ, nó gầm lên khúc độc hành bi phẫn, làm rung động cả một chốn núi rừng hoang sơ. (1,0)

– Về nghệ thuật:

+ Hình ảnh chân thật, sinh động, cụ thể, tương phản, hào hoa, lãng mạn. Ngôn từ có sự chọn lọc, độc đáo, đặc sắc, đầy sáng tạo. (0,5)

+ Âm hưởng, giọng điệu: Bi tráng... Sử dụng phép tu từ: nói giảm. (0,5)

c. Kết bài:

– Với bút pháp hiện thực, lãng mạn, Quang Dũng không chỉ đã xây dựng thành công chân dung người lính Tây Tiến mà còn xây dựng thành công một bức tượng đài đẹp đẽ, hấp dẫn, lưu truyền cho nhiều thế hệ mai sau. (0,5)

– Học sinh nên bài học bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. (0,5)

3. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 3

TRƯỜNG THPT THÙA LƯU

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“...Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.”

(Trích “Tuyên ngôn độc lập”- Hồ Chí Minh)

a. Nêu nội dung và xác định phong cách ngôn ngữ được thể hiện trong đoạn trích?

b. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng?

Câu 2: (3 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (không quá 20 dòng giấy thi) phát biểu ý kiến của em về mục đích học tập do Unesco đề xướng: “Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định mình”

Câu 3: (5 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau trong bài thơ “Việt Bắc” của Tô Hữu:

“Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha, mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhin cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Tiếng ai tha thiết bên còn

Bang khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 12

Câu 1: (2 điểm)

a. Nội dung và xác định phong cách ngôn ngữ được thể hiện trong đoạn trích(Trích “Tuyên ngôn độc lập”- Hồ Chí Minh)

– Nội dung: Tố cáo tội ác thực dân Pháp: bóc lột dã man về kinh tế

– Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận

b. Biện pháp nghệ thuật được thể hiện trong đoạn trích và tác dụng:

– Biện pháp nghệ thuật: Từ láy (xơ xác, tiêu điều), điệp từ, lặp cấu trúc (chúng)

– Tác dụng: Nhấn mạnh tội ác tàn ác của TD và thể hiện thái độ căm phẫn của người viết.

Câu 2: (3 điểm)

Yêu cầu về kỹ năng:

– Học sinh biết cách viết một đoạn văn (dài không quá 20 dòng giấy thi, không xuống dòng khi chưa kết thúc đoạn- trừ phần trích dẫn ý kiến).

– Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, có cảm xúc, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề trên; không mắc lỗi chính tả.

– Đoạn văn có 3 phần: Mở đoạn-Thân đoạn-Kết đoạn

Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, sau đây là một số gợi ý:

– HS giới thiệu về mục đích học tập-> Trích dẫn ý kiến

– Giải thích:

+ Học để biết: Yêu cầu tiếp thu kiến thức

+ Học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định mình: Thực hành, vận dụng kiến thức và từng bước hoàn thiện chính mình.

– Phân tích tính đúng đắn của nhận định:

+ Vé 1: “Học để biết” nhấn mạnh tính lí thuyết-> Mỗi người cần phải học để tiếp thu, lĩnh hội tri thức. Điều đó có vai trò quan trọng trong việc hình thành trí tuệ và nhân cách cho con người.

+ Vé 2: Học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định mình-> Nhấn mạnh tính thực hành của việc học-> Mỗi người phải ý thức rõ học phải đi đôi với hành. Học chính là cách để khẳng định sự tồn tại, sự có mặt của mỗi người trong cuộc sống.

– Dùng dẫn chứng để chứng minh cho mục đích học tập đúng đắn mà Unesco đưa ra.

– Bàn luận, liên hệ và rút ra bài học



Câu 3: (5 điểm)

a/ Yêu cầu về kỹ năng:

– Biết cách làm bài văn N LVH về một đoạn thơ

– Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc, gợi hình.

– Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu; có liên kết, chữ rõ, bài sạch

b/ Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được một số ý sau:

1. Nội dung

– Giới thiệu vài nét về bài thơ Việt Bắc và vị trí đoạn thơ

-> Đoạn thơ gồm 8 câu, là phần đầu của bài thơ Việt Bắc tái hiện cuộc chia tay lưu luyến giữa người dân Việt Bắc và người cán bộ cách mạng.

Bốn câu đầu: Là lời ướm hỏi tình cảm dạt dào của người ở lại

– Thời gian gắn bó tình nghĩa: 15 năm

– Không gian chia tay: cây, núi, sông, nguồn-> gợi không gian quen thuộc của một vùng căn cứ địa cách mạng

– Cách xưng hô: Mình –ta : Tình cảm thiết tha, khăng khít

– Điện ngữ: Mình có nhớ vang lên day dứt khôn nguôi

Bốn câu đầu: Là tiếng lòng của người cán bộ cách mạng về xuôi

- Dùng từ láy, đảo tính từ (bâng khuâng, bồn chồn)-> Tâm trạng bồi hồi, lưu luyến, bịn rịn
- Hoán dụ(Áo chàm)-> là nỗi nhớ nói lên tấm lòng thủy chung son sắt đối với quê hương cách mạng.
- Hình ảnh “Cầm tay nhau...biết nói gì”-> nhịp thơ bẻ gãy, thể hiện sự xúc động nghèn ngào, không nói nên lời của người cán bộ về xuôi.
=> Cuộc chia tay đầy tình nghĩa, sâu nặng, lưu luyến giữa đồng bào VB và cán bộ kháng chiến.

2. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát
- Kết cấu đối đáp
- Giọng thơ tâm tình, ngọt ngào
- Ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân gian

4. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 4

TRƯỜNG THPT NAM TRỰC

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sòi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!

Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê

*Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều”*

(Chân quê, Nguyễn Bính).

Câu 1: Xác định thể thơ của bài thơ trên. Nêu tác dụng của việc sử dụng thể thơ đó? (0.5 điểm).

Câu 2: Trong khổ thơ thứ hai, nhà thơ đã sử dụng các biện pháp tu từ nào? Nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ đó? (1.0 điểm).

Câu 3: Qua bài thơ trên anh(chị) hiểu nghĩa của từ *chân quê* như thế nào? (1.0 điểm).

Câu 4: Anh(chị) có đồng tình với quan điểm của nhà thơ được thể hiện trong các câu thơ :

*“Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!”*

Hay không? Vì sao? (Học sinh trình bày một đoạn văn từ 6-8 dòng) (0.5 điểm).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):

“Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng. Bàn chân cũng thâm đau vì những mũi gai. Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió”.

(Trích Đường đến ngày vinh quang – nhạc sĩ, ca sĩ Trần Lập)

Anh (chị) hãy viết một bài văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về nhận định trên

Câu 2 (5.0 điểm):

Về đoạn thơ:

*“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi voi
Sài Khao sương láp đoàn quân mồi
Mường Lát hoa về trong đêm hoi
Đốc lên khúc khuỷu đốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đài!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cop trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói”*

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi."

(Trích *Tây Tiến – Quang Dũng* – SGK Ngữ Văn 12, tập 1 – Trang 88)

Có ý kiến cho rằng: Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng song cũng đầy dữ dội, khắc nghiệt. Ý kiến khác lại khẳng định: Đoạn thơ vẽ nên bức tượng đài về người chiến sĩ Tây Tiến gian khổ, hi sinh song cũng rất đỗi lãng mạn, hào hoa.

Từ cảm nhận của mình về đoạn thơ, anh (chị) suy nghĩ như thế nào về hai ý kiến trên.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Câu 1: Mục đích của câu hỏi nhằm đánh giá khả năng nhận biết về thể thơ của văn bản. (0.5 điểm)

- Mức đầy đủ:

+ Thể thơ lục bát / lục bát (0.25 điểm).

+ Tác dụng: giọng điệu bài thơ trở nên tâm tình, tha thiết, thể hiện thành công tâm trạng của nhân vật trữ tình. (0.25 điểm)

- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc có câu trả lời khác.

Câu 2:

- Mức đầy đủ:

+ Nếu được hai trong ba biện pháp nghệ thuật: câu hỏi tu từ, điệp ngữ “nào đâu”, liệt kê trang phục của cô gái: *cái yếm lụa sòi, cái dây lưng đũi...*) (0.5 điểm).

+ Tác dụng: Hình ảnh thơ trở nên sinh động, gợi hình, biểu cảm; Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái, làm mất đi cái gốc gác, đầm thắm của chốn thôn quê và tâm trạng của nhân vật trữ tình – trách móc, xót xa, nuối tiếc trước sự thay đổi đó. (0.5 điểm).

- Mức không đầy đủ:

+ Nếu được biện pháp nghệ thuật mà không lấy dẫn chứng (0.25 điểm).

+ Nếu một trong hai biểu hiện về tác dụng (0.25 điểm)

- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc có câu trả lời khác.

Câu 3:

- Mức đầy đủ: Có thể hiểu “Chân quê” là hồn quê đích thực; là tính cách, vẻ đẹp mộc mạc đầm thắm của quê hương (1.0 điểm)

- Mức không đầy đủ: chỉ trả lời một ý hoặc nếu là vẻ đẹp giản dị mộc mạc (0.5 điểm).

- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc có câu trả lời khác.

Câu 4: Đây là câu hỏi mở thí sinh có thể bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối quan niệm của nhà thơ trong các câu thơ đã cho nhưng lí lẽ phải thuyết phục. Nội dung trả lời phải hợp lí.

Có thể trả lời theo định hướng sau: Qua quan niệm của mình nhà muốn thể hiện sự trân trọng với vẻ đẹp mộc mạc giản dị, khẳng định ý thức giữ gìn truyền thống của cha ông. Đặc biệt là cách nói tế nhị, ý tứ, nhẹ nhàng vẫn thể hiện được tình yêu tha thiết, mộc mạc của nhân vật “anh” với người mình yêu.

- Mức đầy đủ: Thí sinh thể hiện được quan điểm của mình, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc... (0.5 điểm)
- Mức không đầy đủ: Hs trình bày sơ sài, chung chung chưa thuyết phục.(0.25 điểm)
- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc có câu trả lời khác.

Phần II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

1. Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu cụ thể:

a) Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0.25 điểm)

- Điểm 0.25 điểm: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có 1 đoạn văn.

b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0.25 điểm)

- Điểm 0.25: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: những hạnh phúc có được trong cuộc sống đều là thành quả của việc bước qua những khó khăn. Vượt qua những giông tố cuộc đời, dù vất vả hay nhọc nhằn niềm vui và thành công đến với con người mới mang ý nghĩa đích thực và vẹn toàn.

- Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần nghị luận, trình bày lạc sang vấn đề khác.

c) Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác giải thích, chứng minh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải lấy từ thực tiễn đời sống, cụ thể và sinh động (1.0 điểm):

- Điểm 1.0: Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:

- Giải thích ý nghĩa thông điệp của tác giả

+ “Hoa hồng” là loại hoa có hương thơm nồng nàn, có màu sắc rực rỡ, một loại hoa đẹp luôn là biểu tượng cao nhất của tình yêu trong cuộc sống con người. Ở đây hoa hồng là chỉ thành công và hạnh phúc mà con người đạt được.

+ “Mũi gai” được hiểu là những sóng gió những thử thách khó khăn trong cuộc đời. Trong cuộc sống, để có thành công và hạnh phúc ta phải biết vượt qua những sóng gió và thử thách trong cuộc đời.

=>Muốn có hạnh phúc và thành công trên đường vinh quang mỗi người bắt buộc phải biết “chịu đau’ khi gặp những” mũi gai” và “đi qua muôn ngàn sóng gió”.

- Bàn luận

+ Hạnh phúc, vui sướng... luôn là ước mơ cũng là mục tiêu của mọi con người. Nhưng nghịch lí cuộc đời vẫn để khó khăn vất vả chiếm đa phần trong đời mỗi chúng ta. Phải đi qua, thoát ra khỏi đau khổ, con người mới có thành công.

+ Mọi sự thành công đều bao gồm sự hi sinh mất mát và những nỗi đau, nỗi buồn. Biết chấp nhận đau thương, vất vả cũng là biết cố gắng để đi tới đích trên đường vinh quang.

+ Đường vinh quang là đi qua muôn trùng sóng gió - Lời bài hát như khẳng định thêm về ý chí của một con người luôn hiên ngang bước qua mọi gian nan ở đời.

-> Đó là một bài học ý nghĩa về cách sống mà Trần Lập muốn gửi gắm đến mỗi con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Sống tốt đẹp là phải biết đổi mặt với thử thách, đổi mặt với phong ba bão táp và chiến thắng nó. Thành công sẽ đến với những người không bao giờ chùn bước và run sợ trước khó khăn.

Dẫn chứng .

- Phê phán

+ Trái ngược với những tấm gương luôn sống đương đầu với thử thách thì không ít bạn trẻ ngày nay có lối sống nhút nhát, gặp khó khăn là nản chí, nhụt chí và dễ dàng bỏ cuộc.

+ Cũng không ít người không chịu chấp nhận những thất bại, buồn đau mà khó khăn của mình gây ra, mà tìm cách đi đến thành công bất chấp mọi thử thách.

- Điểm 0.75: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm (giải thích, chứng minh, bình luận) còn chưa đầy đủ hoặc liên kết chưa thật chặt chẽ.

- Điểm 0.5: Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 0.25: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) Sáng tạo (0.25 điểm)

- Điểm 0.25: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; không có quan điểm và thái độ riêng hoặc quan điểm, thái độ trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

e) Chính tả, dùng từ, đặt câu (0.25 điểm):

- Điểm 0.25: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 2 (5.0 điểm) :

Yêu cầu chung : Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng ; văn viết có cảm xúc, thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt ; Diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết ; Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Yêu cầu cụ thể :

a) Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0.5 điểm):

- Điểm 0.5 : Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề ; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt

chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề ; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.

- Điểm 0.25: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề ; phần Thân bài biết tổ chức thành 1 đoạn văn.

- Điểm 0 : Thiếu Mở bài hoặc Kết luận ; Thân bài chỉ có một đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có một đoạn văn

b) **Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0.5 điểm):**

- Điểm 0.5 : Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (Vẻ đẹp thiên nhiên Tây Bắc và vẻ đẹp người lính Tây Tiến qua đoạn thơ)

- Điểm 0 : Xác định sai vấn đề cần nghị luận

c) **Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ ; sử dụng tốt các thao tác lập luận, biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và dẫn chứng (3.25 điểm)**

- Điểm 3.25 đảm bảo các yêu cầu trên, Có thể trình bày theo định hướng sau:

+ Giới thiệu: tác giả, tác phẩm, đoạn trích, trích lời nhận định.

+ Giải thích lời nhận định.

+ Phân tích:

- Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng song cũng đầy dữ dội, khắc nghiệt:

+ Thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng:

Các hình ảnh sương mù bao phủ cả vùng Tây Bắc rộng lớn, hoa về trong đêm hơi, những ngôi nhà bồng bềnh trong biển sương mù,...

Không gian núi rừng bao la cứ trải ra mênh mông, vô tận trước mắt người lính.

Những câu thơ nhiều thanh bằng, ...tạo nên bức tranh riêng biệt về thiên nhiên Tây Bắc huyền ảo, thơ mộng.

Thiên nhiên Tây Bắc có những khung cảnh rất đầm ấm là khi người lính được hào mình vào cuộc sống gia đình, quây quần bên bếp lửa, bên nồi xôi nếp đầu mùa. Điều đó đã tạo nên cảm giác êm dịu, ấm áp tình quân dân.

+ Thiên nhiên cũng rất dữ dội, khắc nghiệt:

Các địa danh xa xôi, heo hút: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu.

Là những đường nét đầy gân guốc, chắc khỏe mở ra bức tranh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hiểm trở với những: núi cao, vực sâu, đèo dốc, sương rùng, mưa núi, thác gầm, cọp dữ...-> Khiến cho sự dữ dội của thiên nhiên được đẩy lên cao đến cực độ.

Vẻ hoang dại, dữ dội đầy bí ẩn của núi rừng miền Tây được nhà thơ khai thác theo chiều thời gian. Núi rừng hoang vu luôn là mối đe dọa khủng khiếp đối với con người.

Những câu thơ nhiều thanh trắc, nghệ thuật đối, lặp từ, lặp cấu trúc, ngắt nhịp câu thơ, ...

-> Với con mắt thi, nhạc, họa kết hợp với cảm hứng bi tráng, lãng mạn Quang Dũng đã tái hiện sinh động một bức tranh nghệ thuật ngôn từ về thiên nhiên Tây Bắc.

- Nhận định thứ hai: Đoạn thơ vẽ nên bức tượng đài về người chiến sĩ Tây Tiến gian khổ, hi sinh song cũng rất đối lăng mạn, hào hoa.

+ Họ phải đối mặt với bao khó khăn, thử thách, mất mát, hi sinh:

Ấn tượng đầu tiên của Quang Dũng về người lính Tây Tiến trên đường hành quân là những bước đi mệt mỏi lẩn khuất như chìm đi trong sương dày đặc...

Người lính Tây Tiến phải đối mặt, vượt qua những dốc núi vô cùng hiểm trở với bao gian lao, vất vả: những dốc núi cao như chạm trời xanh, những vực sâu thăm thẳm, những sườn đèo dốc....

Cái hoang dại, dữ dội của núi rừng thường trực, đeo bám người lính Tây Tiến như một định mệnh, luôn hiện hình để hù doạ và hành hạ họ....

Dù can trường trong dãi dầu nhưng có khi gian khổ đã quá sức chịu đựng đã khiến cho người lính gục ngã. Họ hi sinh trong tư thế vẫn hành quân, vẫn chắc tay súng, vẫn ôm lấy và gục lên quân trang....

+ Tâm hồn vẫn rất lãng mạn, hào hoa:

Vẻ tinh nghịch, tếu táo, chất lính ngang tàng như thách thách cùng hiểm nguy, gian khổ của người lính Tây Tiến....

Trên đường hành quân vất vả, họ thả hồn mình vào thiên nhiên, để trút bỏ hết mọi nhọc nhằn khỏi thân xác, phục tâm, phục sức....

Có lúc họ được dừng chân ở một bản giữa rừng sâu, quây quần bên những bữa cơm thắm tình quân dân cá nước. Tình cảm đầm ấm xua tan đi vẻ mệt mỏi trên gương mặt, khiến họ tươi tỉnh hẳn lên

Cái nhìn lãng mạn đã nâng đỡ cho ngòi bút Quang Dũng, tạo nên màu sắc bi tráng khi nói tới sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

Nét đẹp trong tâm hồn lãng mạn, hào hoa của những chàng lính thủ đô giúp họ vượt qua được khó khăn, thử thách để tiếp bước

=> Đánh giá chung:

- Hai nhận định đều khái quát được nội dung cơ bản của đoạn thơ.
- Cả hai đã cho thấy cái nhìn đầy đủ, rõ nét về thiên nhiên Tây Bắc và người lính Tây Tiến hiện về trong nỗi “nhớ chơi voi” của nhà thơ khi ông đã rời xa Tây Tiến, rời xa con sông Mã.
- Đoạn thơ không chỉ là thiên nhiên Tây Bắc, người chiến sĩ Tây Tiến mà còn là tình yêu, sự gắn bó máu thịt của nhà thơ với Tây Bắc, với Tây Tiến.
- Đoạn thơ là sự phối hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và bút pháp lãng mạn. Cả đoạn thơ như một bức tranh thuỷ mặc cổ điển được phác thảo theo lối tạo hình phuơng đông. (so sánh với bút pháp miêu tả người lính trong các sáng tác khác)

Khái quát lại vấn đề và đánh giá về thành công của tác giả, tác phẩm trong Văn học Việt Nam.

- Điểm 2.75 – 3.25 : Cơ bản đáp ứng các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm còn chưa được trình bày đầy đủ hoặc liên kết chưa chặt chẽ.
- Điểm 2.0 – 2.5: Đáp ứng 2/3 cơ bản các yêu cầu trên còn mắc một số lỗi về dùng từ, đặt câu.
- Điểm 1.5 – dưới 2.0 : Đáp ứng 1/2 các yêu cầu trên
- Điểm 0.5 – 1.25 : Đáp ứng 1/3 các yêu cầu trên

- Điểm 0.25 : Hầu như không đáp ứng được yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) *Sáng tạo*

- Điểm 0.5 : Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm...) ; văn viết giàu cảm xúc, thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt ; biết so sánh mở rộng, có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc, đúng đắn

- Điểm 0.25 : Có một số cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo, thể hiện được một số suy nghĩ riêng, sâu sắc, đúng đắn

- Điểm 0 : Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo, không có quan điểm và thái độ riêng hoặc quan điểm trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật

e) *Chính tả, dùng từ, đặt câu (0.25 điểm)*

- Điểm 0.25 : Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu

- Điểm 0 : Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

5. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 5

TRƯỜNG THPT KHOÁI CHÂU

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (3,0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới:

... “Đó là lý do chúng ta phải công khai lên tiếng về AIDS. Để đặt, từ chối đối mặt với sự thật không mấy dễ chịu này, hoặc vội vàng phán xét đồng loại của mình, chúng ta sẽ không đạt được tiến độ hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa, nếu sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS. Hãy đứng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.”...

(Trích Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003 – Cô-phi An-nan)

Câu 1a. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên? ? (0,5 điểm).

Câu 1b. Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào, “họ” là đối tượng nào? (0,5 điểm).

Câu 1c. Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì? (0,5 điểm).

Câu 1d. Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: *Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.* (0,5 điểm).

Câu 1e. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào? Vì sao? (0,5 điểm).

Câu 1g. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì? (0,5 điểm).

Câu 2: (3,0 điểm):

Hãy viết bài nghị luận trình bày suy nghĩ của anh (chị) về thái độ đối xử với những người bị nhiễm HIV/AIDS ở Việt Nam hiện nay.

Câu 3: (4,0 điểm)

Cảm nhận của anh (chị) về khổ thơ sau trong bài thơ “*Tây Tiến*” của Quang Dũng.

... “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ” ...

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 12

Câu 1:

a. **Câu 1a.** Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 điểm).

- Mục đích hỏi: Nội dung chính của văn bản? (0,5 điểm).

- Mức tối đa: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi.

+ Tác giả nêu nhiệm vụ, đề nghị mọi người phải nỗ lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa.

+ Hoặc trả lời: Tác giả đề nghị mọi người không lẩn tránh trách nhiệm phòng chống HIV/AIDS ; không vội vàng phán xét đồng loại, không kì thị và phân biệt đối xử với những người đã mắc bệnh HIV/AIDS.

- *Mức 50% số điểm*: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi nhưng chưa đầy đủ.

Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Ai cũng phải phòng chống HIV/AIDS.

+ Phòng chống HIV/AIDS là nhiệm vụ của chúng ta.

- *Mức không đạt*: Thí sinh trả lời không đúng ý của câu hỏi.Hoặc trả lời không rõ nghĩa.

b. **Câu 1b.** Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào “họ” là đối tượng nào? (0,5 điểm).

- Mục đích hỏi: Nghĩa của từ trong văn bản? (0,5 điểm).

- Mức tối đa: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi:

+ Đọc văn bản cần hiểu *chúng ta* là từ chỉ những người hiện chưa bị lây nhiễm HIV ; *họ* là từ chỉ những bệnh nhân bị nhiễm HIV / AIDS.

- *Mức 50% số điểm*: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi nhưng chưa đủ (chỉ nêu được nghĩa của một trong hai từ trên)

- *Mức không đạt*: Thí sinh trả lời không đúng ý của câu hỏi hoặc hiểu sai nghĩa của hai từ đó.

c. **Câu 1c.** Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì? (0,5 điểm).

- Mục đích hỏi: Nghĩa của từ ngữ mà tác giả sử dụng trong văn bản ? (0,5 điểm).

- Mức tối đa: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi:

+ Đọc văn bản cần hiểu *im lặng* là từ chỉ thái độ bàng quan, thờ ơ, vô cảm của con người trước đại dịch HIV/AIDS.

+ *công khai lên tiếng về AIDS* là từ chỉ những thái độ và hành động tích cực của con người trong việc phòng chống HIV/AIDS.

- Mức 50% số điểm: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi nhưng chưa đủ (chỉ nêu được nghĩa của một trong hai cụm từ trên)

- Mức không đạt: Thí sinh trả lời không đúng ý của câu hỏi hoặc hiểu sai nghĩa của hai từ, cụm từ đó.

d. Câu 1d. *Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.* (0,5 điểm).

- Mục đích hỏi: Nhận biết về ý nghĩa của câu văn. (0,5 điểm)

- Mức tối đa: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi. Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Câu văn tạo ra mối tương quan giữa một bên là sự thờ ơ trước dịch HIV/AIDS và một bên là cái chết, để qua đó cho thấy sự tích cực chống lại HIV/AIDS, với loài người, là vẫn đề có ý nghĩa sinh tử, tồn vong, sống hay không sống.

+ Hoặc: Tác giả so sánh: Nếu ta thờ ơ trước đại dịch HIV/AIDS cũng có nghĩa là ta chấp nhận cái chết, sự hủy diệt sẽ đến với loài người.

+ Các câu trả lời tương tự...

- Mức 50% số điểm: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi nhưng chưa sâu sắc. Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Im lặng thờ ơ với bệnh HIV/AIDS là rất nguy hiểm.

+ Thờ ơ với HIV/AIDS là hiểm họa đối với mọi người.

+ Các câu trả lời tương tự...

- Mức không đạt: Thí sinh trả lời không đúng ý của câu hỏi.

e. Câu 1e. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn thuộc loại văn bản nào? Vì sao? (0,5 điểm).

- Mục đích hỏi: Nhận biết những dấu hiệu của văn bản nghị luận.

- Mức tối đa: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi. Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Đây là văn bản nghị luận. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm trước một vấn đề xã hội, cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục.

+ Đây là văn bản nghị luận về vấn đề xã hội. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm rõ ràng trước đại dịch HIV/AIDS, suy luận lô gic, chặt chẽ.

+ Các câu trả lời tương tự...

- Mức 50% số điểm: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi nhưng chưa đủ, chưa sâu sắc (chỉ nêu đúng loại văn bản mà chưa giải thích vì sao hoặc giải thích không đúng đặc trưng của loại văn bản nghị luận). Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Đây là văn bản nghị luận..

+ Đây là văn bản nghị luận. Giọng điệu tự sự, khách quan.

+ Đây là văn bản nghị luận. Văn bản kể chuyên ngắn gọn, bắt ngay.

+ Các câu trả lời tương tự...

Lưu ý phần gạch chân là phần giải thích sai.

- Mức không đạt: Thí sinh trả lời không đúng ý của câu hỏi (hỏi về hình thức của văn bản). Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Văn bản tự sự.

+ Văn bản văn học.

+ Văn bản thuyết minh.

+ ...

Câu 1g. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì? (0,5 điểm).

- Mục đích hỏi: Nhận biết về ý nghĩa xã hội của văn bản.

- Mức tối đa: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi. Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Tác giả cảnh báo các nguy cơ của thái độ xa lánh, chia rẽ, phân biệt đối xử với những người nhiễm HIV/AIDS dẫn tới mục tiêu phòng chống HIV/AIDS của chúng ta sẽ không thể hoàn thành. Và chính bằng cách đó, C. An-nan đã cổ động nhiệt tình cho sự đối xử ấm áp, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS.

+ C. An-nan đã kêu gọi mọi người hãy đổi xử bình đẳng, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS vì đó là cách mà con người có thể chủ động phòng chống căn bệnh này có hiệu quả.

+ Các câu trả lời tương tự...

- Mức 50% số điểm: Thí sinh trả lời đúng ý của câu hỏi nhưng chưa sâu sắc. Có thể theo một trong các hướng sau:

+ Không nên phân biệt đối xử với người bị mắc bệnh HIV/AIDS.

+ Các câu trả lời tương tự...

- Mức không đạt: Thí sinh trả lời không đúng ý của câu hỏi.

Câu 2: (3,0 điểm):

a. Mở bài

Giới thiệu vấn đề: Trước những người bị nhiễm HIV/AIDS con người có những thái độ đối xử khác nhau.

b. Thân bài

Vài nét về căn bệnh HIV/AIDS.

+ HIV/AIDS là gì?

+ Tính chất nguy hiểm của đại dịch HIV/AIDS?

Bàn luận (bình luận, phân tích, chứng minh) về thái độ đối xử với những người bị nhiễm HIV/AIDS ở Việt Nam hiện nay.

Thái độ tích cực và tác dụng của nó:

- Nhìn chung nhà nước và toàn thể cộng đồng đã có sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề đại dịch HIV và với những người mắc phải căn bệnh này.

+ Nhiều tổ chức, nhiều cơ quan, nhiều cá nhân đã nỗ lực tham gia “cuộc chiến” chống lại hiểm họa chung.

+ Đã có những trung tâm tư vấn, điều trị miễn phí...

+ Nhiều cá nhân công khai căn bệnh của mình trước cộng đồng...

+ Nhiều cá nhân tình nguyện chăm sóc cho những người bệnh nặng không nơi nương tựa...

- Những thái độ đó có tác dụng:

+ Giúp mọi người có hiểu biết về bệnh HIV, biết cách phòng tránh...

+ Người mắc bệnh có ý chí, nghị lực để chữa bệnh, hạn chế sự lây lan ..

* Thái độ tiêu cực và tác hại của nó:

- Thực tế, vẫn còn sự kì thị, phân biệt đối xử với những người bị bệnh.

+ Nhiều khi họ bị đồng nhất với các đối tượng có vấn đề trong xã hội (như người nghiện hút, tiêm chích ma túy, gái mại dâm, người có lối sống buông thả).

+ Nhiều người bệnh bị chính người thân, gia đình mình xa cách, thậm chí khinh miệt của mọi người xung quanh...

- Điều này gây nên những tác hại khôn lường: phần đông người mắc bệnh giấu diếm, không dám công khai chữa trị, nhiều người rơi vào tâm trạng tuyệt vọng phẫn uất... Vì thế bệnh có thể lây lan khó kiểm soát...

c. Kết bài

Bài học nhận thức và hành động

- Phê phán thái độ kì thị phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS.

- Cần có thái độ sống có trách nhiệm, tích cực và nhân đạo trong công cuộc phòng chống HIV/AIDS nói riêng và trong các vấn đề thiết thân của thực tế đời sống nói chung.

- Phấn đấu học tập, rèn luyện để có sức khỏe, có lối sống lành mạnh...

Câu 3: (4,0 điểm)

a. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Quang Dũng

- Giới thiệu khái quát vị trí bài thơ *Tây Tiến*.

- Giới thiệu đoạn thơ. (Cảnh đêm liên hoan văn nghệ trong nỗi nhớ của nhà thơ)

b. Thân bài

a. Cảm nhận chung về bài thơ và đặt đoạn thơ trong mạch kết cấu của văn bản.

- Hoàn cảnh sáng tác. Nội dung cơ bản, cảm hứng chủ đạo...

- Giới thiệu ngắn gọn nội dung khổ 1.

- Đặc sắc riêng của khổ cần tìm hiểu: Cảnh đêm liên hoan văn nghệ vui tươi, hào hứng đầy ánh sáng, âm thanh. Qua đó thể hiện tinh thần hồn lạc quan, hào hoa, lãng mạn của người lính Tây Tiến.

Cảm nhận về khổ thơ

* Cảnh doanh trại tưng bừng, nhộn nhịp, rực rỡ:

- Hình ảnh doanh trại: bừng sáng, đêm hội vui tươi. (ánh sáng, âm thanh, sắc màu, đường nét)
- Hình ảnh em: trang phục đẹp mắt, lạ lẫm, duyên dáng, e lệ trong vũ điệu độc đáo, trong tiếng khèn say mê, rộn rã.
- Hình ảnh người lính:
- + Ngạc nhiên, vui thích, say mê, hào hứng (phân tích sức gợi của từ ngữ *kìa em, hội đuốc hoa...*)
- + Khát khao, mơ mộng (Phân tích sức gợi của câu *Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*)
(Kết hợp phân tích nhịp điệu, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ...)
- * Tâm trạng của nhân vật trữ tình
- Đắm mình trong nỗi nhớ, sống với kí ức.
- Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu tình cảm, cảm xúc
(Kết hợp phân tích cảnh vật và con người, phân tích nội dung và nghệ thuật)
- Khái quát vẻ đẹp của khổ thơ, giới thiệu khổ còn lại:
- + Cảnh vật và con người hài hòa, tươi vui, sống động. Qua đó thể hiện nét đẹp trong tâm hồn người lính Tây Tiến: Hào hùng, hào hoa
- Bút pháp lãng mạn, trữ tình. Đoạn thơ giàu chất nhạc và họa.
- + Phần còn lại tác giả gợi lại những kỉ niệm về cảnh sông nước miền Tây thơ mộng, về hình ảnh tập thể đoàn binh Tây Tiến và lời thề gắn bó với đơn vị.

c. Kết bài

- Nêu giá trị của khổ thơ, bài thơ và ấn tượng của người viết.

6. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 6

TRƯỜNG THPT AN MỸ

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (2,0 điểm)

- Nêu ý nghĩa nhan đề : Đàm ghi ta –Lor –Ca ? Nêu ý nghĩa lời đề từ : (*Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàm ghi ta*) ?

Câu 2. Theo chương trình Chuẩn (8,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau trong bài Sóng của nhà thơ Xuân Quỳnh:

*"Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

*Dẫu xuôi về phương bắc
 Dẫu ngược về phương nam
 Nơi nào em cũng nghĩ
 Hướng về anh – một phương
 Ở ngoài kia đại dương
 Trăm nghìn con sóng đó
 Con nào chẳng tới bờ
 Dù muôn vời cách trở”*

(*Ngữ văn 12, Tập một, tr. 155 – 156, NXB Giáo dục – 2009*)

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 12

Câu 1 : (2 điểm)

- **Nêu ý nghĩa nhan đề :** Đàn ghi ta –Lor –Ca ? Nêu ý nghĩa lời đề từ : (Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta) ?

- **Nêu ý nghĩa nhan đề :** Đàn ghi ta –Lor –Ca ? (**1điểm**)

+ Đàn ghi-ta là một loại nhạc cụ có nguồn gốc ở TBN từ TK XV.

+ Đàn ghi-ta là hình ảnh biếu tượng cho Lor-ca. Sự gắn bó giữa Lor-ca với âm nhạc và nghệ thuật.

+ Sự yêu mến và kính trọng của Thanh Thảo và người Việt với đất nước TBN .

- **Nêu ý nghĩa lời đề từ :** (**1điểm**)

+ Thể hiện tình yêu tha thiết của Lor-ca. đối với đất nước Tây Ban Nha .

+ Tình yêu say đắm với nghệ thuật của Lor-ca.

+ Mong muốn nghệ thuật phát triển.(Hãy biết chôn nghệ thuật của Lor - ca để dọn đường đi tới.)

a/ Kỹ năng: Biết làm bài nghị luận văn học-cảm nhận một đoạn thơ trữ tình; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi hành văn..

b/ Kiến thức

Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiêng tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người

DÀN BÀI :

1/ Mở bài : (0,5 điểm)

- Nêu được vấn đề nghị luận. (giới thiệu khái quát về tác giả Xuân Quỳnh , tác phẩm , nội dung cần nghị luận) *Trích dẫn đoạn thơ “Con sóng.....cách trở”*

2/ Thân bài : (7 điểm ; nội dung 5đ- 1điểm nghệ thuật , 1 diễn đạt tốt)

- **Khô 5,6,7** : nhà thơ vừa phân thân vừa nhập thân vào sóng để nói lên cái đặc trưng cơ bản của tình yêu là nỗi nhớ và cái nhu cầu, cái khát khao cần thỏa mãn của tình yêu là có nhau, bên nhau.

- **Khô 5** “ Con sóngcòn thức ” Qua hình tượng sóng nhân vật trữ tình bộc lộ nỗi nhớ da diết , khắc khoải bao trùm cả chiều sâu , bề rộng , không gian, thời gian , nỗi nhớ hiện hữu trong tiềm thức, vô thức và tâm thức . trích dẫn thơ. (2, 5đ)

(liên hệ so sánh ca dao, thơ Xuân Diệu) (trích dẫn thơ)

“Nhớ ai bồi hỏi bồi hồi

Như đứng đống lửa như ngồi đống than”.

(Ca dao)

“Những ngày không gặp nhau

Lòng thuyền đau rạn vỡ

Nếu từ giã thuyền rồi

Biển chỉ còn sóng gió

Nếu phải cách xa anh

Em chỉ còn bão tố”

(THUYỀN VÀ BIỂN- XUÂN QUỲNH)

-> Tình yêu của người phụ nữ trong bài thơ thật mãnh liệt , chủ động bày tỏ tình cảm của mình. Đó là vẻ đẹp của sự bạo dạn, mới mẻ, đắm say. Trái tim của người phụ nữ không cần úp mở nữa. Nó đã đòi nói thật.

-- **Khô 6,7** : “Dẫu xuôicách trở ” Mượn quy luật của Sóng nhân vật trữ tình khẳng định lòng thủy chung son sắc và niềm mãnh liệt vào tình yêu và hạnh phúc. (Trích dẫn thơ)

(2, 5đ) (liên hệ so sánh ca dao, thơ Xuân Diệu , các nhà thơ khác) trích dẫn thơ

“Chỉ còn em và anh

Cùng tình yêu ở lại”

(Thơ tình cuối mùa thu- Xuân Quỳnh)

- Chốt nghệ thuật , nội dung : thể thơ năm chữ âm điệu nhịp nhàng như sóng biển . hình tượng ẩn dụ độc đáo , giọng thơ tha thiết , sâu lắng..

3/ kết bài :

- Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ . (0,5)

7. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 7

TRƯỜNG THPT YÊN LẠC 2

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIẾU:(3,0 điểm).

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi:

(1) *Nền văn hóa Đông Sơn (huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) là một nền văn hóa đồ đồng và đồ sắt nổi tiếng trên thế giới. Đủ loại vũ khí, dụng cụ, đồ trang sức, tác phẩm nghệ thuật được phát hiện: đục vùm bằng đồng, lưỡi cày đồng, dao găm đồng, vòng tay đồng, rìu sắt, cuốc sắt. Đặc biệt có những chiếc trống đồng. Chiếc to như chiếc trống đồng Ngọc Lũ, cao 0,63 mét, đường kính mặt trống 0,79 mét. Mặt trống và tang trống trang trí hình người, hình động vật và các đồ dùng khác. Có nhiều hoa văn hình học, hình răng cưa, hồi văn, hình tròn tiếp tuyến. Lại có những cảnh trong đời sống thể hiện phong cách nghệ thuật cách điệu hóa.*

(2) *Chủ nhân của nền văn hóa ấy không ai khác là người Lạc Việt, sống bao đời nay trên miền trung du, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển từ buổi đầu thời đại đồng thau cho đến cuối thời đại đồng thau – đầu thời đại đồ sắt. Bấy giờ tổ tiên của chúng ta chưa chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc. Sự tiếp xúc của ta với Trung Quốc chỉ bắt đầu từ khi Triệu Đà chiếm nước Âu Lạc của vua An Dương, tức là từ thế kỉ thứ II trước công nguyên. Thời kì cực thịnh của nền văn hóa Đông Sơn là thời kì vua Hùng, vua Thục”*

(*Văn hóa Đông Sơn – Trương Chính, Đặng Đức Siêu, Sổ tay văn hóa Việt Nam, NXB Văn hóa, 1978, tr. 29-30*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và chỉ ra biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (1)?

Câu 2. Xác định nội dung chính của văn bản?

Câu 3. Trong các di vật tìm thấy ở Đông Sơn, các tác giả quan tâm nhất là di vật gì? Di vật đó nói lên điều gì về văn hóa Việt Nam?

Câu 4. Việc các tác giả khẳng định: “*Chủ nhân của nền văn hóa ấy không ai khác là người Lạc Việt, Bấy giờ tổ tiên của chúng ta chưa chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc.”* có ý nghĩa gì? (Trình bày từ 4 đến 6 dòng).

II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh, chị về đoạn thơ sau:

- Minh đi, có nhớ những ngày
 Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
 Minh về, có nhớ chiến khu
 Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?
 Minh về, rừng núi nhớ ai
 Trám bụi để rụng, măng mai để già.
 Minh đi, có nhớ những nhà
 Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
 Minh về, còn nhớ núi non
 Nhớ khi kháng Nhật, thủơ còn Việt Minh
 Minh đi, mình có nhớ mình
 Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?

(Trích *Việt Bắc* – Tô Hữu, SGK Ngữ văn 12 tập 1, NXBGD 2008, trang 110)

--- Kết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIẾU:(3,0 điểm).

Câu 1. Đoạn văn (1) sử dụng phương thức biểu đạt chính: thuyết minh

Biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (1): **Lịt kê** một loạt các di vật bằng đồng, bằng sắt được phát hiện (*đục vũng bằng đồng, lưỡi cày đồng, dao găm đồng, vòng tay đồng, rìu sắt, cuốc sắt, trống đồng*); cấu tạo và các loại hoa văn trang trí trên trống đồng.

Câu 2. Giới thiệu nền văn hóa Đông Sơn, nền văn hóa đồ đồng, đồ sắt nổi tiếng của người Lạc Việt (Việt Nam)

Câu 3. Trong các di vật tìm thấy ở Đông Sơn, các tác giả quan tâm nhất tới trống đồng.

- Bởi vì, trống đồng phản ánh trình độ văn minh của người Lạc Việt. Những họa tiết trên bề mặt tang trống và mặt trống không chỉ phản ánh sự phát triển của nghề đúc đồng mà còn cho thấy hoạt động văn hóa của người Việt cổ.

Câu 4. Việc các tác giả khẳng định: “*Chủ nhân của nền văn hóa ấy không ai khác là người Lạc Việt, Bấy giờ tổ tiên của chúng ta chưa chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc.*” có ý nghĩa:

- Khẳng định nền văn hóa Lạc Việt là một nền văn hóa độc lập.

- Bác bỏ quan điểm sai trái: người phương Bắc đem kĩ thuật đúc đồ đồng vào Việt Nam thời cổ.

II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Vài nét về tác giả, tác phẩm:

Cảm nhận đoạn thơ:

Nội dung: Tám câu đầu

- Các câu lục:

+ Là các câu hỏi tu từ nối tiếp nhau.

+ Điện ngữ có nhớ tạo cảm xúc thơ lắng đọng, giọng thơ tha thiết, bồn chồn, ngọt ngào.

+ *Mình đi, mình về*: luôn phiêu khiến cảnh tiền đưa nhiều bâng khuâng.

+ Hình ảnh: *những ngày, chiến khu, rừng núi, những nhà* chỉ thời gian, không gian, thiên nhiên, đồng bào, cuộc sống con người Việt Bắc.

- Các câu bát: mỗi câu là một kỉ niệm về Việt Bắc

+ Cảnh mưa trăng nguồn, lũ ngập đầy suối → sự khắc nghiệt của thời tiết thiên nhiên Việt Bắc, nó biểu tượng cho những gian khổ thử thách mà quân dân ta phải trải qua trong những năm kháng chiến.

+ *Miếng cơm chấm muối*: cuộc sống gian khổ thiêum thốn, *mỗi thù nặng vai*: mỗi thù đối với quân xâm lược luôn đè nặng trên đôi vai.

+ *Trám, măng*: chỉ nguồn lương thực vô tận của núi rừng Việt Bắc để nuôi bộ đội trong những ngày tháng đánh giặc gian khổ.

+ *Hắt hiu lau xám*: cảnh hoang vu, hoang vắng của núi rừng, nó biểu tượng cho sự nghèo đói, thiếu thốn về vật chất. *Đậm đà lòng son*: ca ngợi tấm lòng người dân Việt Bắc luôn son sắc thủy chung với cách mạng, với kháng chiến.

Bốn câu còn lại:

- Khẳng định tình cảm gắn bó thủy chung của *mình*, nhẫn nhủ thiết tha người đi về ân tình cách mạng.
- Kỉ niệm về những sự kiện lịch sử, những địa danh mãi mãi đi vào lịch sử: đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.

Nghệ thuật:

- Câu hỏi tu từ, thể thơ lục bát, tiêu đối trong các câu bát ở tám câu đầu, điệp từ, ngũ, dùng từ nghi vấn có *nhớ*, gọi tên địa danh, ẩn dụ biểu tượng...

8. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 8

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1 (3 điểm).

Những nội dung chính trong quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh? Kể tên một số tác phẩm tiêu biểu.

Câu 2 (7 điểm).

Cảm nhận của anh (chị) về hình ảnh Ph.G. Lorca được thể hiện qua đoạn thơ sau đây:

“Những tiếng đàn bợt nước

Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt

 li la li la li la

Đi lang thang về miền đơn độc

Với vàng trăng chênh choáng

 Trên yên ngựa mỏi mòn

Tây Ban Nha

Hát nghêu ngao

bỗng kinh hoàng

Áo choàng bê bết đỏ

Lorca bị điệu về bãi bắn

Chàng đi như người mộng du”

(Đàn ghi ta của Lorca -Thanh Thảo)

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 12**Câu 1 (3 điểm).**

HS cần đáp ứng được những nội dung cơ bản sau:

Quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh:

- Hồ Chí Minh coi văn học trước hết phải là vũ khí chiến đấu phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. (0.75 điểm).
- Hồ Chí Minh luôn coi trọng *tính chân thật* và *tính dân tộc* của văn học. *Tính chân thật* được coi là thước đo giá trị của văn chương nghệ thuật. Người nhắc nhở giới nghệ sĩ "nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc" và đề cao sự sáng tạo "chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo". (0.75 điểm)
- Khi cầm bút, Hồ Chí Minh luôn xuất phát từ đối tượng tiếp nhận (viết cho ai), mục đích (viết để làm gì) để quyết định nội dung (viết cái gì) và hình thức (viết thế nào) tác phẩm... (0.75 điểm)

Tác phẩm tiêu biểu: (0.75 điểm)

- Văn chính luận: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Tuyên ngôn độc lập*, ...
- Truyện và kí: *Vì hành*, *Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu*, ...
- Thơ ca: *Nhật ký trong tù*, ...

Câu 2 (7 điểm).

Mở bài : Giới thiệu về Thanh Thảo, tác phẩm “Đàn ghi ta của Lorca” và nội dung cần phân tích: hình ảnh Ph.G.Lorca được thể hiện qua bài thơ (0.5)

Phân tích: học sinh có thể có nhiều cách trình bày: 7 điểm

+ Theo trình tự tác phẩm:

Khối 1: Người nghệ sĩ lăng du trong sáng tạo nghệ thuật (2,5 điểm)

- Tập trung phân tích trạng thái xuất thần, mộng du của sáng tạo nghệ thuật theo linh cảm của một cái TÔI nội cảm với bước chân lang thang về một miền nghệ thuật “đơn độc” trong trẻo, thuần khiết.

- Chú ý sự xuất hiện của một hệ thống: một người nghệ sĩ – một vàng trăng – một yên ngựa với những trạng thái đơn độc – chênh choáng – mỏi mòn: cuộc hành trình vừa tự do, phóng khoáng vừa đầy thử thách với biết bao khắc khoải, đam mê.

Khối 2: Người nghệ sĩ – định mệnh nghiệt ngã và sự vang vọng của cái đẹp (2,5 điểm)

- Định mệnh nghiệt ngã và oan trái: với hình ảnh “áo choàng bê bết đỏ”, với sự đảo phách đột ngột “bỗng kinh hoàng”, với câu thơ mang đậm chất văn xuôi “Lorca bị điệu về bãi bắn”, dù trước đó là không khí lăng du hồn nhiên vô tư “hát nghêu ngao”.

+ Theo các phương diện của hình tượng, ví dụ:

Lorca – biểu tượng của thân phận tài hoa bạc mệnh. (2,5 điểm)

Lorca – người nghệ sĩ của sự tự do trong sáng tạo nghệ thuật và cái Đẹp.(2,5 điểm)

Nhất thiết học sinh phải có ý thức làm nổi bật yêu cầu của đề, kết hợp phân tích nội dung và nghệ thuật, tránh sa vào việc phân tích tác phẩm đơn thuần.

Và dù làm theo cách nào học sinh cũng phải chỉ ra rằng *hình tượng Ph.G.Lorca trở nên sống động trong thơ Thanh Thảo chính nhờ dấu ấn sâu đậm của phong cách thơ siêu thực*,

tương trưng trong thơ Lorca. Rất nhiều hình tượng nghệ thuật xuất hiện trong thế giới thơ Lorca được Thanh Thảo lây lại: đàn ghi ta, con ngựa ô, vàng trắng...(2 điểm)

Kết bài: Một lần nữa khẳng định lại phong cách thơ đậm chất triết luận của Thanh Thảo, điều đó giúp nhà thơ khám phá, ngợi ca những vẻ đẹp nhân văn. Ph.G. Lorca là một hình tượng tiêu biểu như thế và “Đàn ghi ta của Lorca” xứng đáng là một tác phẩm vừa rất Lorca vừa rất Thanh Thảo.(0,5)

9. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2 điểm):

Vì sao nói thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc?

Câu 2: (8 điểm)

Phân tích những câu thơ sau đây trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rãi rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chăng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 12

Câu 1: (2 điểm): Vì sao nói thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc?

Về nội dung: thơ TH mang tính chất trữ tình chính trị rất sâu sắc:

- + Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ TH hướng tới cái ta chung.
- + Trong việc miêu tả đời sống, thơ TH mang đậm tính sử thi.

Nghệ thuật biểu hiện

- Tố Hữu vận dụng rất thành công những thể thơ truyền thống của dân tộc như lục bát, song thất lục bát, thể thơ bảy chữ.

- Về ngôn ngữ, Tố Hữu không chú ý sáng tạo những từ mới, cách diễn đạt mới mà thường sử dụng những từ ngữ và cách nói quen thuộc của dân tộc. Đặc biệt, thơ Tố Hữu phát huy cao độ nhạc tính của tiếng Việt.

Câu 2: (8 điểm)

Phân tích những câu thơ sau đây trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

...

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

- Kỹ năng : thực hiện một bài nghị luận văn học
- Đoạn thơ dựng nên bức tượng đài về đoàn binh Tây Tiến với những vẻ đẹp phong phú
- Chân dung đoàn binh Tây Tiến được dựng tả bằng nét bút vừa hiện thực, gân guốc vừa lãng mạn, hào hùng.
- Sự biểu hiện chân thực đời sống tâm hồn mộng mơ của chàng trai Tây Tinh thằn lằn mạn hào hùng, ý nguyện xã thân thanh thản và cao cả của một thế hệ
- Ca ngợi sự hi sinh bi tráng của người đồng đội Tây Tiến
- Đoạn thơ khép lại bằng một âm thanh bi tráng. Âm hưởng thơ như còn ngân dài, vang xa mãi.

10. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 – Số 10

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

“*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.*”

(Hồ Chí Minh, trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXB Sự thật, Hà Nội, 1986)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2. Đoạn văn đề cập đến nội dung gì? (1,0 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.” (1,0 điểm)

Câu 4. Đoạn văn gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc? (Viết một đoạn văn từ 8 đến 10 dòng). (0,5 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày ý kiến của anh / chị về nhận xét sau: “*Học tập là cuốn vở không có trang cuối*”.

Câu 2: (5,0 điểm)

Về hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng, có ý kiến cho rằng: “*Người lính ở đây có dáng dấp của các tráng sĩ thuở trước*”. Ý kiến khác thì nhấn mạnh “*Hình tượng người lính mang vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp*”

Tùy cảm nhận của mình về hình tượng này, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỀU (3 điểm)

Câu 1. Mục đích của câu hỏi nhằm đánh giá khả năng nhận biết phương thức biểu đạt của văn bản.(0,5 điểm)

- Mức đầy đủ: phương thức biểu đạt chính: nghị luận
- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc có câu trả lời khác.

Câu 2. Nội dung đoạn văn:

- Khẳng định tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- Chính tinh thần yêu nước đã giúp nhân dân ta chiến thắng mọi kẻ thù.

Học sinh có thể diễn đạt theo cách khác nhau nhưng phải hợp lý, có sức thuyết phục.

+ Điểm 1,0: Trả lời đúng, đầy đủ nội dung trên, hoặc diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lý.

+ Điểm 0,5: Trả lời được $\frac{1}{2}$ nội dung trên.

+ Điểm 0,25: Trả lời chung chung chưa thật rõ ý.

+ Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 3. Mục đích của câu hỏi nhằm đánh giá khả năng phát hiện và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ trong văn bản. (1,0 điểm)

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: Âm dụ; Điện tử; Liệt kê; Lặp cấu trúc; Nhân hóa.

- Tác dụng: + Khẳng định sức mạnh của lòng yêu nước.

+ Tạo nhịp điệu sôi nổi, mạnh mẽ cho câu văn.

+ Thể hiện niềm tự hào của Hồ Chí Minh về truyền thống quý báu của dân tộc ta.

+ Mức đầy đủ: hs trả lời được cơ bản như nội dung trên. (1,0 điểm)

+ Mức không đầy đủ: nêu đúng các biện pháp tu từ, nêu được $\frac{1}{3}$ hiệu quả nghệ thuật nhưng không đầy đủ(0,5 điểm) /nêu 1 biện pháp tu từ, hoặc 1 hiệu quả nghệ thuật.(0,25 điểm)

+ Mức không tính điểm: không trả lời hoặc có câu trả lời khác.

Câu 4. Có thể diễn đạt theo các cách khác nhưng phải hợp lý, có sức thuyết phục.

Học sinh hướng vào những nội dung sau:

- Phải giữ gìn truyền thống tốt đẹp và quý báu của dân tộc ta.

- Cần học tập và rèn luyện để xây dựng Tổ quốc giàu đẹp.

- Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trước các thế lực xâm lăng.

+ Điểm 0,5: Nắm được đầy đủ nội dung cũng như kỹ năng viết đoạn văn nghị luận; Diễn đạt tốt, có sức thuyết phục.

+ Điểm 0,25: Đáp ứng 2/3 các yêu cầu trên.

+ Điểm 0: Không đáp ứng được bất kỳ yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

1. Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bối cảnh đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu cụ thể:

a) Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0,25 điểm)

- Điểm 0,25 nếu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có 1 đoạn văn. điểm: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và

b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm)

- Điểm 0,25: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: : học tập là công việc suốt đời không ngừng nghỉ

- Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần nghị luận, trình bày lạc sang vấn đề khác.

c) Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác giải thích, chứng minh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải lấy từ thực tiễn đời sống, cụ thể và sinh động (1,0 điểm):

- Điểm 1,0: Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:

- Giải thích:

+ Học tập: học và luyện tập để có hiểu biết và kỹ năng.

+ Cuốn vở: ghi chép những hiểu biết trong quá trình học tập.

Ý cả câu: học tập là công việc suốt đời, không ngừng nghỉ.

- Phân tích – chứng minh

+ Con người chúng ta từ chối không biết gì, nhờ quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm mà có kiến thức- kỹ năng. Công việc ấy tiếp diễn bao đời nay.

+ Biển học thì vô cùng, không ai có thể khẳng định mình đã nắm chắc mọi thứ, vì vậy phải liên tục học tập. (Lê nin : “ Học, học nữa, học mãi ”. – Đắc – uyn: “ bá học không có nghĩa là ngừng học... ”,...)

+ Thời đại ngày nay, con người có thể học tập bằng nhiều hình thức.

- Đánh giá – mở rộng

+ Học tập là cuốn vở không trang cuối: đó là phương châm sống của những người cầu tiến, khát khao vươn tới chiếm lĩnh tri thức nhân loại và biết làm cho cuộc sống của mình có giá trị thực sự.

+ Phê phán những người tự bồng lòng với sự hiểu biết của mình, tự mãn, tự phụ hoặc ngại khó, biếng nhác, lười học tập...

+ Học tập suốt đời là việc phải làm và cần làm nhưng cũng cần có phương pháp học tập để có kết quả thật tốt. Việc học còn phải gắn với những động cơ, mục đích học tập đúng đắn thì việc học mới mang lại những ý nghĩa, giá trị đích thực cho cuộc sống ban thân và những người quanh ta.

- Bài học:

Rút ra bài học nhận thức và hành động của bản thân

- Điểm 0,75: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm (giải thích, chứng minh, bình luận) còn chưa đầy đủ hoặc liên kết chưa thật chặt chẽ.

- Điểm 0,5: Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 0,25: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) *Sáng tạo (0,25 điểm)*

- Điểm 0,25: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...); thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; không có quan điểm và thái độ riêng hoặc quan điểm, thái độ trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

e) *Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):*

- Điểm 0,25: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 2 (5,0 điểm) :

Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu cụ thể:

a) *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0,5 điểm):*

- Điểm 0,5 điểm: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.

- Điểm 0,25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết luận, nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu trên; phần Thân bài chỉ có 1 đoạn văn.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có 1 đoạn văn.

b) *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):*

- Điểm 0,5: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Người lính Tây Tiến vừa mang dáng dấp tráng sĩ thuở trước vừa mang đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kì kháng chiến chống Pháp

- Điểm 0,25: Xác định chưa rõ vấn đề cần nghị luận, chỉ nêu chung chung.

- Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần nghị luận, trình bày lạc sang vấn đề khác.

c) *Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng. (3,0 điểm):*

- Điểm 3,0: Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:

+ Giới thiệu về tác giả, tác phẩm

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài, nhưng trước hết là một thi sĩ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu
- Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ của Quang Dũng và thơ ca kháng chiến chống Pháp, tác phẩm khắc họa thành công về hình tượng người lính Tây Tiến

+ Giải thích

- “Dáng dấp tráng sĩ thuở trước”: là nói đến nét đẹp trượng phu giàu tính ước lệ kiều văn chương trung đại về hình tượng người lính
 - “Dáng vẻ của người chiến sĩ thời kì kháng chiến chống Pháp”: muốn nói đến người lính có nhiều nét đẹp thân thuộc chắt lọc từ đời sống chiến trường của những anh vệ quốc quân thời chống Pháp
- ➔ Đây là hai nhận xét khái quát về hai hình diện khác nhau của hình tượng người lính Tây Tiến: Ý kiến trước chỉ ra vẻ đẹp truyền thống, ý kiến sau chỉ ra vẻ đẹp hiện đại

+ Phân tích, chứng minh

- Vẻ đẹp người lính mang dáng dấp tráng sĩ thuở trước: Người lính hiện lên với dáng vẻ oai phong, lẫm liệt đầy hào khí, tinh thần chiến đấu kiêu dũng, xả thân, thái độ ngang tàng ngạo nghễ, họ coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Hình tượng người lính đặt trong không gian bi hùng cổ xưa với cuộc trường chinh đầy gian khổ, với chiến trường là miền viễn xứ chốn biên ải, gắn với chất liệu ngôn ngữ trang trọng, hình ảnh ước lệ...
- Người lính Tây Tiến mang dáng vẻ của người chiến sĩ thời kì kháng chiến chống Pháp
- Người lính với tinh thần vệ quốc của thời đại chống Pháp cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh: không tiếc đời mình, không thoái chí sờn lòng, không bỏ cuộc
- Đời sống quân ngũ gian khổ mà vẫn trẻ trung tinh nghịch, lẩn lộn trận mạc đầy mắt mát hi sinh mà vẫn đa cảm đa tình: đời dào tình yêu thiên nhiên, tình quân dân và tình yêu đôi lứa
- Hình tượng người lính gắn chặt với một sự kiện lịch sử đó là cuộc hành binh Tây Tiến, với một không gian thực miền Tây, với một địa danh xác thực, với cảnh trí đậm sắc thái riêng của nơi rừng thiêng nước độc nhưng cũng đầy thơ mộng. Với ngôn ngữ đậm chất đời thường của những người lính trẻ

+ Bình luận

- Cả hai ý kiến đều đúng, tuy nội dung khác nhau nhưng lại bổ sung cho nhau, cùng khẳng định những đặc sắc của hình tượng người lính Tây Tiến: Đó là sự hòa hợp

giữa vẻ đẹp tráng sĩ cổ điển với vẻ đẹp chiến sĩ hiện đại để tạo nên một hình tượng toàn vẹn

- Có được sự hòa hợp về vẻ đẹp của người lính Tây Tiến là do nhà thơ đã kế thừa thơ ca truyền thống, sử dụng bút pháp lăng mạn, đồng thời đã mang được vào thơ không khí thời đại, hiện thực chiến trường, đời sống tristen mạc của bộ đội Tây Tiến mà tác giả vốn là người trong cuộc

Thí sinh có thể có những cảm nhận và diễn đạt khác nhưng phải hợp lý, có sức thuyết phục.

- Điểm 2,0 – 2,5: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm còn chưa được trình bày đầy đủ hoặc liên kết chưa thực sự chặt chẽ.
- Điểm 1,5 -1,75 : Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.
- Điểm 1,0 – 1,25: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên.
- Điểm 0,5, 0,75: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên tuy nhiên diễn đạt lủng củng các ý không có sự liền mạch
- Điểm 0,25: Hầu như không đáp ứng được yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.
- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) *Sáng tạo (0,5 điểm)*

- Điểm 0,5: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.
- Điểm 0,25: Có một số cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; thể hiện được một số suy nghĩ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.
- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; không có quan điểm và thái độ riêng hoặc quan điểm, thái độ trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

e) *Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm):*

- Điểm 0,5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0,25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.